

Bản án số: 08/2025/HS-ST

Ngày: 19 - 02 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Ngọc Hải

Ông Trương Văn Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Định - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2024/TLST- HS ngày 26 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/20258/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo thứ nhất: Đào Văn T, sinh ngày 29/4/1989; tại huyện B, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn H và bà Trần Thị Bé N; vợ: Huỳnh Thị Bảo T1, con có 02 người, sinh năm 2013 và sinh năm 2018; Tiền án: không; Tiền sự: 01 lần; Vào ngày 29/01/2024, bị Công an huyện B ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc trái phép” với số tiền 1.500.000đ. Về nhân thân: Ngày 06/4/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Tân xét xử 01 năm cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 21/2021/HS-ST (chấp hành xong, đã xóa án tích). Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 29/8/2024 đến ngày 29/11/2024, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo thứ hai: Lưu Văn S, sinh ngày 02/10/1999; tại huyện B, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Làm

thuê; Trình độ học vấn: (Không biết chữ); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn S1 và bà Trịnh Thị M; tiền án: 01 lần; Vào ngày 08/12/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tiền sự: Không. Bị cáo Lưu Văn S bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 29/8/2024 đến ngày 29/11/2024. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại:* Anh **Hà Trọng N1**, sinh năm 1992 (vắng mặt); Nơi cư trú: Tổ C, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của anh Hà Trọng N1: Bà **Lâm Hồng T2**, sinh năm 1972 (có mặt); Nơi cư trú: Tổ C, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 17/05/2025).

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Bà **Lâm Hồng T2**, sinh năm 1972 (có mặt); Nơi cư trú: Tổ C, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Bà **Đặng Thúy H1**, sinh năm 1990 (vắng mặt); Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

1/ Chị **Nguyễn Thị T3**, sinh ngày 24/01/2004; Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Chị **Huỳnh Thị Bảo T1**, sinh ngày 01/04/1987 (vắng mặt); Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Anh **Nguyễn Nhật K**, sinh ngày 10/12/1997 (vắng mặt); Nơi cư trú: Tổ C, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

4/ Anh **Trần Tuấn A**, sinh ngày 01/01/1984 (có mặt); Nơi cư trú: Tổ G, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

5/ Anh **Lê Hữu K1**, sinh ngày 17/11/1991 (có mặt); Nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

6/ Anh **Nguyễn Nhựt N2**, sinh ngày 06/8/2002 (vắng mặt); Nơi cư trú: Tổ C, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

7/ Anh **Nguyễn Anh D**, sinh ngày 12/10/1989 (vắng mặt); Nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2022, bị cáo Đào Văn T, có thiếu tiền của anh Hà Trọng N1 số tiền 8.000.000đ, N1 đã đòi nhiều lần nhưng T chưa trả nên dẫn đến mâu thuẫn.

Vào khoảng 16 giờ ngày 21/4/2024, sau khi đi nhậu với bạn, N1 chạy xe ngang quán 857 thuộc tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì nhìn thấy Đào Văn T đang ngồi uống bia với bị cáo Lưu Văn S, Nguyễn Nhật N3, Nguyễn Thị T3 (vợ của N3), Nguyễn Nhật K và Trần Tuấn A. Lúc này, N1 nhớ lại việc T còn nợ tiền nên muốn đòi tiền T nhưng thấy có nhiều người nên N1 về rủ thêm Lê Hữu K1 và Nguyễn Anh D đi cùng. Khi đi, N1 lấy 02 con dao tự chế gồm 01 con dao dài 130cm đưa cho K1 và 01 con dao dài 51cm đưa cho D để phòng thân khi có xảy ra đánh nhau thì K1 và D đồng ý.

Khi đến quán H2, N1 đi vào trước, còn D và K1 cầm dao đi theo sau, N1 đến chỗ T ngồi kêu T hỏi T việc trả tiền nhưng T không có tiền trả nên xảy ra cự cãi, N1 dùng tay đánh vào đầu T một cái. T tức giận, tay trái của T chụp lấy chai bia thủ tinh trên bàn đánh trúng vào vùng trán của N1 01 cái làm vỡ nát chai bia xuống đất. T và N1 lao vào dùng tay đánh nhau và giằng co. Lúc này, Lưu Văn S lấy vỏ chai bia đập vào bàn làm bể chai bia rồi cầm phần đầu vỏ chai bia thù sẵn. K và T4 đi ra can ngăn D và K1 rồi giật dao tự chế ném ra lẻ lợ. Nguyễn Nhật N3 chạy đến can ngăn kéo N1 ra khỏi T thì bị N1 quơ tay trúng vào người nên tức giận, N3 lấy 02 vỏ chai bia trên bàn chọi về phía N1 và ùng nhưng không trúng ai. Lưu Văn S nhìn thấy N1 và T vẫn tiếp tục đánh nhau nên S cầm đầu chao bai đã đập vỡ chạy đến đâm 01 cái trúng vào Ngực của N1 nhằm giúp sức cho T. Lúc này, N1 la lên và xô T ra thì S nhìn thấy N1 bị chảy nhiều máu nên ném bỏ mảnh vỏ đầu chai bia rồi lấy xe mô tô chạy về nhà.

Bị cáo T tiếp tục dùng tay đánh nhau với N1, cả 02 té ngã và giằng co trên nền đất, trong lúc giằng co T đè trên người N1 và lượm vỏ chai bia bị vỡ đâm 01 cái trúng vào vùng mặt của N1. Cả 02 tiếp tục giằng co, N1 đè lên người của T nên N3 chạy lại can ngăn kéo ra thì bị N1 quơ cùi chỏ trúng vào ngực nên N3 tức giận lượm con dao tự chế dài 51cm được K ném ra đường (con dao do D mang đến), N3 cầm dao bằng 02 tay đánh phần cán dao và bề sống của lưỡi dao đánh từ trên xuống 02 cái vào vùng lưng của N1 (nhưng không gây thương tích), N1 bị đánh đau nên nên đứng dậy và chạy ra ngoài lộ, sau đó N1 được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ, đến ngày 25/4/2024 xuất viện và làm đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với những người đã gây thương tích cho N1.

* Căn cứ vào Kết luận giám định số 143/KLTTCT-TTPY ngày 24/6/2024 và Công văn số 185 ngày 21/8/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh V kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Hà Trọng N1 tại thời điểm giám định là 16%, trong đó:

- Vết thương mặt lóc da má kích thước 6 x 2,5cm. Tỷ lệ là 09%.
- Vết thương chân mày trái kích thước 4 x 0,1cm. Tỷ lệ là 03%.

Tổng 02 vết thương trên có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%.

- Vết thương ở thành ngực phải, cạnh xương ức phải kích thước khoảng 12 x 3cm, hiện tại sẹo kích thước 10 x 0,2cm, 03 x 0,2cm và 02 x 0,1cm. Tỷ lệ là 0,5%.

Qua điều tra, Đào Văn T đã thừa nhận thừa nhận hành vi gây thương tích cho N1 với tỷ lệ thương tật 12% (vết thương chân mày trái và vết thương má phải). Bị cáo Lưu Văn S là bạn với bị cáo T, không có mâu thuẫn với N1 nhưng khi nhìn thấy T và N1 đánh nhau thì S cầm hung khí gây thương tích cho N1, thể hiện ý chí giúp sức cho T cùng đánh N1 với tỷ lệ thương tích 14% (gồm vết thương ở ngực 5% và vết thương ở má phải tỷ lệ 09%).

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKSBT ngày 24/12/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Đào Văn T, Lưu Văn S về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của các bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đào Văn T, Lưu Văn S về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự và đề nghị như sau:

1. Đối với bị cáo Đào Văn T: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội: “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Đối với bị cáo Lưu Văn S: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo S từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội: “*Cố ý gây thương tích*”.

* Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại, bị cáo Lưu Văn S đồng ý bồi thường thiệt hại bằng 1/3 tương ứng số tiền 4.167.000đ; bị cáo T đồng ý bồi thường 2/3 tương ứng số tiền 8.333.000đ (được khấu trừ vào số tiền anh N1 đã nhận trước 3.500.000đ).

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy một con dao tự chế bằng kim loại, có chiều dài 130cm, phần lưỡi dao dài 30cm, phần cán bằng 100cm, mũi bằng và con dao tự chế bằng kim loại, chiều dài 51cm, phần lưỡi dao dài 25cm, phần cán dài 36cm, mũi nhọn Lê Hữu K1 và Nguyễn Anh D1 mang theo nhằm mục đích gây thương tích.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Buộc bị cáo Đào Văn T, Lưu Văn S mỗi bị cáo nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự: Buộc bị cáo Đào Văn T, Lưu Văn S mỗi bị cáo nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đào Văn T, Lưu Văn S khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố, các bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái và vi phạm pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lưu Văn S đồng ý bồi thường thiệt hại bằng 1/3 tương ứng số tiền 4.167.000đ; bị cáo T đồng ý bồi thường 2/3 tương ứng số tiền 8.333.000đ

Lời nói sau cùng, bị cáo T, S đã biết lỗi và xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bà Lâm Hồng T2 đại diện hợp pháp của người bị hại Hà Trọng N1 yêu cầu bị cáo Đào Văn T bồi thường thiệt hại, bao gồm các khoản: Tiền thuốc điều trị, viện phí là 2.500.000đ; tiền xe đi lại tái khám sức khỏe và điều trị là 1.000.000đ; tiền mất thu nhập lúc điều trị cho đến khi hồi phục là 20 ngày x 450.000đ/ngày (do không đi làm được) là 9.000.000đ. Tổng cộng bằng 12.500.000đ, trong đó, đồng ý để bị cáo S bồi thường 1/3, bị cáo T bồi thường 2/3.

Về trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Bà T2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật. Bị cáo T là người có lỗi đã đánh N1 trước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, người bị hại, người làm chứng tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 16 giờ ngày 21/4/2024, tại quán “857” thuộc tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, do có mâu thuẫn từ việc Hà Trọng N1 đòi số tiền do bị cáo T còn nợ chưa trả nên xảy ra cãi vã, N1 dùng tay đánh vào đầu của T, T đã dùng võ chai bia thủy tinh là hung khí nguy hiểm gây tích cho N1 với 02 vết thương (*viết thương ở chân mày trái 03% và vết thương má phải là 9%*), tỷ lệ thương tích 12%. Bị cáo Lưu Văn S cầm đầu chai bia thủy tinh vỡ, tự ý giúp sức cho T gây thương tích cho N1 (*vết thương ở ngực do bị cáo S gây ra là 5% và vết thương ở má phải do T gây ra là 9%*), tỷ lệ thương tích 14% nên hành vi của T và S đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố các bị cáo với tội danh, cùng điều luật và luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét hành vi của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, tuy đồng phạm mang tính giản đơn do không có bàn bạc trước, T không yêu cầu S gây thương tích cho N1 nhưng cả 02 bị cáo cùng tham gia thực hiện; biết rõ hành vi sử dụng võ chai bi và phần đầu chai bia thủy tinh vỡ đánh nhau là nguy hiểm, có khả năng gây thương tích, vi phạm pháp luật, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội nhưng vẫn thực hiện. Trong đó, bị cáo T là người trực tiếp gây thương tích cho N1 với tỷ lệ cao nhất nên vai trò và mức độ thực hiện hành vi là nguy hiểm nhất. Tiếp đến là bị cáo Lưu Văn S trực tiếp gây thương tích có tỷ lệ thấp và với vai trò giúp sức nên mức độ nguy hiểm thấp hơn bị cáo T.

Mặt khác, xét bị cáo Đào Văn T có một tiền sự về hành vi “*Đánh bạc trái phép*” bị xử phạt hành chính vào ngày 29/01/2024, nhân thân từng bị Tòa án nhân dân huyện Bình Tân xét xử về hành vi “*Đánh bạc*” theo Bản án số 21/2021/HS-ST ngày 06/4/2021. Đối với Lưu Văn S có một tiền án về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét các bị cáo không biết hối cải, sửa đổi bản thân, ý thức xem thường pháp luật. Do vậy, cần có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi, nhân thân của từng bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

[4] Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo T đã bồi thường thiệt hại một phần với số tiền 3.500.000đ cho người bị hại. Xét Hà Trọng N1 đã dùng tay đánh bị cáo T trước nên cũng có lỗi một phần. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do đó khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự tương ứng cho từng bị cáo bị cáo.

[5] Xét Nguyễn Nhựt N2 có hành vi cầm cán dao và bẻ sống của lưỡi dao đánh vào vùng lưng của N1 02 cái nhưng không gây thương tích. Đối với Hà Trọng N1 có hành vi dùng tay đánh vào đầu của bị cáo T, thương tích nhẹ, bị cáo T không yêu cầu xử lý hình sự và từ chối giám định. Công an huyện B ra Quyết định xử phạt hành chính N2, N1 về hành vi *“Cố ý gây thương tích nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”* mỗi người với số tiền 6.500.000đ là có căn cứ.

[6] Xét Lê Hữu K1 và Nguyễn Anh D có mang theo dao tự chế với mục đích cố ý gây thương tích nhưng không tham gia và không thực hiện. Công an huyện B đã xử phạt hành chính K1, D về hành vi *“Mang theo trong người các loại vũ khí thô sơ có khả năng sát thương nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác”* mỗi người với số tiền 4.000.000đ là đúng quy định.

[7] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7.1] Xét con dao tự chế bằng kim loại, có chiều dài 130cm, phần lưỡi dao dài 30cm, phần cán bằng 100cm, mũi bằng và con dao tự chế bằng kim loại, chiều dài 51cm, phần lưỡi dao dài 25cm, phần cán dài 36cm, mũi nhọn do nhận do Lê Hữu K1 và Nguyễn Anh D1 mang theo nhằm mục đích gây thương tích, K1 và D1 đã bị xử phạt hành chính do vậy tịch thu tiêu hủy.

[7.2] Đối với các vỏ chai bia thủy tinh mà bị cáo S và T dùng để gây thương tích cho N1; N2 dùng để ném về phía N1 và T thì chị Đặng Thúy H1 (chủ quán 587) đã ném bỏ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B không thu hồi được nên không có căn cứ xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Xét tại phiên tòa, bà Lâm Hồng T2 đại diện cho người bị hại Hà Trọng N1 đã thỏa thuận với các bị cáo về thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm bao gồm các khoản: Tiền thuốc điều trị, viện phí là 2.500.000đ; tiền xe đi lại tái khám và điều trị là 1.000.000đ là các khoản chi có hóa đơn hợp lệ và chi phí hợp lý; tiền mất thu nhập lúc điều trị cho đến khi hồi phục 20 ngày x 450.000đ/ngày (do không đi làm được) = 9.000.000đ. Tổng cộng bằng 12.500.000đ. Căn cứ mức độ lỗi của từng bị cáo và tỷ lệ thương tích của bị hại, bị cáo S đồng ý

bồi thường 1/3 tương ứng số tiền 4.167.000đ; bị cáo T đồng ý bồi thường 2/3 tương ứng số tiền 8.333.000đ (được khấu trừ vào số tiền anh N1 đã nhận trước 3.500.000đ), thỏa thuận này là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Buộc mỗi bị cáo T và S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự và 300.000đ án phí dân sự theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đào Văn T và Lưu Văn S phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

1.1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo **Đào Văn T 01 (một) năm **09** (chín) tháng tù.**

1.2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 38, Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo **Lưu Văn S 02 (hai) năm **06** (sáu) tháng tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt các bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584, 586, 587 và 590 Bộ luật dân sự 2015.

2.1. Buộc bị cáo Đào Văn T bồi thường cho Hà Trọng N1 số tiền: 4.834.000đ (bốn triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

2.2. Buộc bị cáo Lưu Văn S bồi thường cho Hà Trọng N1 số tiền: 4.167.000đ (bốn triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy một con dao tự chế bằng kim loại, có chiều dài 130cm, phần lưỡi dao dài 30cm, phần cán bằng 100cm, mũi bằng và một con dao tự chế bằng kim loại, chiều dài 51cm, phần lưỡi dao dài 25cm, phần cán dài 36cm, mũi nhọn.

(Các vật chứng trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân đang giữ theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/12/2024).

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135. khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, b khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

4.1. Án phí hình sự: Buộc bị cáo Đào Văn T và Lưu Văn S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(hai trăm ngàn đồng)*.

4.2. Án phí dân sự: Buộc bị cáo Đào Văn T và Lưu Văn S mỗi bị cáo phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)*.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01
- VKSND huyện Bình Tân: 01
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01
- Công an huyện Bình Tân: 02
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long: 01
- Công an tỉnh Vĩnh Long (Phòng Hồ sơ)
- UBND xã Tân Thành
- (huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long)
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng: 05
- Lưu: 05.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Mười Hai

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA)
- VKSND tỉnh Vĩnh Long
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Bình Tân
- Công an H.Bình Tân (CQTHAHS, CQĐT, NTG)
- Chi cục THADS huyện Bình Tân
- UBND xã Tân Lược
- Bị cáo và các đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mười Hai

